

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA ĐIỆN - ĐIỆN TỬ
-----❧-----

Môn: Lịch sử Đảng
Bài thảo luận.

Giai đoạn 1973-1975:
MỐC SON CHÓI LỢI CỦA LỊCH SỬ DÂN TỘC

Sinh viên trình bày: BÙI TRUNG HIẾU
Mã số sinh viên : 40200776
Lớp : DD02KSTN.

Giai đoạn: 1973-1975 và đại thắng mùa xuân 1975

Giải phóng hoàn toàn miền Nam-thống nhất đất nước.

Mở đề:

Với thắng lợi của việc ký kết Hiệp nghị Pari chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam ngày 27.1.1973, Bộ Chỉ huy quân đội viễn chinh Mỹ tổ chức cuốn cờ và sau đó, tướng Uý-en, Tổng Tư lệnh quân đội Mỹ ở Việt Nam cùng với 2501 tên Mỹ cuối cùng lạng lẽ rời khỏi miền Nam Việt Nam. Thế là sau 115 năm kể từ khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Đà Nẵng năm 1858, lần đầu tiên đất nước ta sạch bóng quân xâm lược.

Trước tình hình mới, ngày 28.1.1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra lời kêu gọi trong đó nhấn mạnh: *"Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam còn phải vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại. Những thế lực quân phiệt phát xít công cụ của thực dân mới, đi ngược lại nguyện vọng của chủ nghĩa dân tộc ta và vẫn không từ bỏ những âm mưu phá hoại hòa bình, ngăn trở con đường độc lập tự do của nhân dân ta"* và chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt cho nhân dân hai miền là: *"tăng cường đoàn kết, luôn luôn cảnh giác, ra sức phấn đấu để củng cố những thắng lợi đã giành được, giữ vững hoà bình lâu dài, hoàn thành độc lập dân tộc, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất đất nước"*. Cùng ngày uỷ ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam cũng ra lời kêu gọi tất cả các tầng lớp nhân dân, các tôn giáo, các dân tộc hãy xóa bỏ mọi hận thù, thực hiện hòa hợp dân tộc, cùng đồng bào cả nước kiên quyết đấu tranh củng cố hoà bình, phát huy thắng lợi, nhất định thực hiện được một miền Nam Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, phồn vinh, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Nhưng với bản chất phản động, hiếu chiến, ngay khi Hiệp định Pari ký kết chưa ráo mực, đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã trắng trợn phá hoại hiệp định, mở những cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng của ta. Bất chấp lệnh ngừng bắn, Nguyễn Văn Thiệu đã xua quân đi thực hiện kế hoạch "Trần ngập lãnh thổ". Một lực lượng lớn gồm 60% quân chủ lực ngụy được tung vào các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng nhằm xóa thế da báo trên chiến trường. Với viện trợ to lớn mà Mỹ vừa dốc vào, các cuộc tấn công quân sự của quân ngụy mạnh mẽ không kém những năm trước. Cùng với các cuộc hành quân lấn chiếm, chúng tìm mọi cách khống chế ta về kinh tế, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp. Thiệu còn ra lệnh bắn bỏ bất cứ ai khuyến khích hoặc tham gia biểu tình ủng hộ hòa bình, đòi thi hành Hiệp nghị Pari, bắn bỏ lính ngụy rã ngũ và những người chuyển từ vùng ngụy chiếm đóng về vùng giải phóng làm ăn sinh sống.

Tại Quảng Nam - Đà Nẵng, hai giờ sau khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực, quân ngụy Sài Gòn đã tập trung tấn công càn quét các vùng tây Duy Xuyên, vùng B Đại Lộc, và các vùng tranh chấp giữa ta và địch. Tại thành phố Đà Nẵng, chúng thực hiện "kế hoạch bảo vệ cơ sở" và đánh phá các lực lượng cách mạng ngay sau khi có lệnh ngừng bắn. Lực lượng cảnh sát dã chiến được thành lập và trang bị đầy đủ và thay thế quân đội trong việc đàn áp nhân dân. Chúng tăng cường canh gác, kiểm soát chặt chẽ việc ra vào thành phố, đặt nhân viên chìm trong các cơ quan, tổ chức nghiệp đoàn, đảng phái để đề phòng các cuộc xuống đường của nhân dân, bảo vệ nghiêm ngặt các kho tàng, đài phát thanh, các cơ quan ngụy quyền. Ngụy quyền ở Đà Nẵng phát động chiến dịch "thân dân", đưa bọn công dân vụ và sĩ quan chuyên môn hành chính vào các cơ sở trong nhân dân để nắm bắt tình hình, thanh lọc, phá hoại cơ sở của ta, buộc công chức, binh lính, nhân dân phải gia nhập Đảng Dân chủ, đảng do Nguyễn Văn Thiệu thành lập từ 1971 để làm hậu thuẫn cho các hoạt động của chúng.

Trong khi đó ở miền Nam, ta chưa đánh giá hết âm mưu của địch, mất cảnh giác buông lỏng bạo lực và tư tưởng tiến công, có ý trông chờ vào uỷ ban quốc tế và Ban Liên hiệp quân sự. Một

số cán bộ lãnh đạo sợ gây căng thẳng muốn hòa hoãn với địch, giữ thế ổn định một chiều. Lực lượng vũ trang của ta sau một thời gian chiến đấu ác liệt, sức khoẻ giảm sút, quân số và vũ khí chưa kịp bổ sung, xuất hiện tư tưởng hòa bình chủ nghĩa, muốn xả hơi. Vì vậy, trên một số địa phương quan trọng, địch đẩy mạnh lấn chiếm, bình định làm cho ta tiếp tục bị mất đất, mất dân.

Riêng ở Khu 5, đến giữa năm 1973, ta đã mất 2 vạn dân, 45 xã, 320 ấp, địch đóng thêm 200 đồn bốt.

Tại Quảng Đà, ta đã ra lệnh rút các lực lượng chủ lực, đặc công về các căn cứ huấn luyện xây dựng, giao việc chống lấn chiếm cho lực lượng địa phương, giải tán quân đội các quận, thành lập Ban Cán sự, (Ban 12) bên cạnh Ban chỉ huy quân sự Đặc khu Quảng Đà. Khu ủy Khu 5 chỉ thị cho các địa phương không tấn công khiêu khích địch để cho địch mất cảnh giác tạo điều kiện cho chúng ta có thời gian củng cố, xây dựng lực lượng chuẩn bị cho nhiệm vụ mới. Tình trạng trên kéo dài đến tháng 8.1973 làm cho lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề, các vùng giải phóng (tây Duy Xuyên, B Đại Lộc) bị địch lấn chiếm, phong trào đấu tranh ở nội thành bị lắng xuống.

Tháng 10.1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 21, phân tích toàn bộ tình hình và đề ra nghị quyết về *"Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới"*. Sau khi phân tích, đánh giá tình hình trung ương Đảng nhất trí với nhận định của nghị quyết trung ương tháng 6/73 đã được bộ chính trị thông qua, về hai khả năng: hoặc do đấu tranh tích cực của ta trên ba mặt trận: chính trị, quân sự, ngoại giao mà ta có thể từng bước buộc địch phải thi hành hiệp định Paris về Việt Nam, hoặc ta phải trải qua chiến tranh cách mạng gay go, quyết liệt để đánh bại địch. Hội nghị khẳng định: *"Con đường cách mạng của miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công"*.

Trung ương đề ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là: "Tiếp tục thực hiện chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đoàn kết toàn dân, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tập đoàn thống trị tư sản mại bản, quan liêu, quân phiệt, phát xít, tay sai đặc lực của đế quốc Mỹ đang thống trị trong vùng địch kiểm soát; đẩy lùi và thắng địch từng bước, đi đến xoá bỏ chính quyền tay sai của Mỹ, xoá bỏ chế độ thực dân mới, thiết lập chính quyền dân tộc dân chủ thật sự, thực hiện hoà hợp dân tộc, thoát ly hẳn sự lệ thuộc vào Mỹ, thực hiện một miền Nam Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, trung lập, phồn vinh, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà."

Thực hiện nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21, các chiến trường ở miền Nam đều kiên quyết phản công, tiến công đẩy lùi địch.

Đến cuối năm 1973, những khó khăn mới của địch bắt đầu xuất hiện. Trên chiến trường, ta đã đánh trả có hiệu quả các cuộc hành quân lấn chiếm của chúng. Quân số của địch bắt đầu tụt giảm. Nền kinh tế nguy cũng sa sút rõ rệt. Viện trợ quân sự của Mỹ cho chính quyền Sài Gòn giảm dần. Mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Sài Gòn ngày càng căng thẳng, phong trào chống đối Nguyễn Văn Thiệu ngày càng phát triển. Cuộc chiến đấu chống bình định lấn chiếm của ta đã giành thắng lợi to lớn. Nguy quân, nguy quyền suy yếu cả về quân sự và chính trị.

Trên đà thắng lợi, năm 1974, quân và dân ta mở hàng loạt chiến dịch, đánh địch trên khắp các mặt trận, thu được nhiều thắng lợi to lớn: Thượng Đức, (Khu V) Chư Pé, Đắc Pét (Tây Nguyên)...

Vào cuối năm 1974, tình hình chiến trường miền Nam đã thay đổi, những thắng lợi mà chúng ta giành được đã phản ánh thế và lực của ta đã mạnh hơn hẳn địch. Đây là nhân tố chủ yếu đưa đến việc khẳng định thời cơ thuận lợi để giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam. Trên cơ sở kế

hoạch tác chiến do Bộ Tổng Tham mưu soạn thảo, từ ngày 30.9 đến 8.10.1974, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp và đi tới thống nhất kế hoạch thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam trong 2 năm 1975 - 1976. Vì:

Thứ nhất: quân Ngụy ngày càng suy yếu về quân sự, chính trị, kinh tế, lực lượng ta đã mạnh hơn địch ở miền Nam.

Thứ hai: Mỹ ngày càng gặp khó khăn trong nước và trên thế giới, khả năng viện trợ cho ngụy ngày càng giảm bớt, cả về chính trị lẫn kinh tế.

Thứ ba: Ta đã tạo được thế trận chiến lược liên hoàn từ Bắc vào Nam, đã tăng cường được lực lượng và dự trữ vật chất, đã hoàn thành được hệ thống đường giao thông chiến lược và chiến dịch.

Thứ tư: ở đô thị, đã có phong trào đòi dân sinh, dân chủ, hoà bình, độc lập, đòi lật đổ Thiệu.

Thứ năm: nhân dân thế giới đồng tình và ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh vì chính nghĩa của nhân dân ta.

Hội nghị cũng đưa ra vấn đề: Liệu Mỹ có khả năng đưa quân trở lại miền Nam hay không? (Hiệp định Pari, vụ Oa-tơ-ghết, Ních-sơn từ chức, kinh tế Mỹ suy thoái, lạm phát tăng, thất nghiệp...)-> Lê Duẩn kết luận: "Mỹ đã rút ra khỏi miền Nam thì khó có khả năng nhảy vào lại miền Nam và dù chúng có can thiệp đến thế nào đi nữa thì cũng không thể cứu vãn được nguy cơ sụp đổ của chính quyền Sài Gòn".

Hội nghị cũng đặt ra vấn đề: chọn chiến trường chiến lược ở đâu? Chúng ta nhận thấy rằng, trên toàn chiến trường miền Nam, địch bố trí lực lượng theo kiểu mạnh ở hai đầu, cụ thể là ở quân khu 1, tiếp giáp với miền Bắc XHCN, địch có 5 sư đoàn chủ lực, ở quân khu 3, trong đó có tuyến phòng thủ bảo vệ Sài Gòn, địch có 3 sư đoàn chủ lực, nhưng chúng còn có thể có thể sẵn sàng cơ động 1-2 sư đoàn (trong số 3 sư đoàn) từ khu 4 kéo về. Còn ở khu 2, trong đó có Tây Nguyên, địch chỉ có 2 sư đoàn chủ lực, lại phải rải ra vừa giữ Tây Nguyên, vừa phải bảo vệ các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ từ Bình Định đến Bình Thuận. Nhưng Tây Nguyên lại là chiến trường hết sức cơ động, có nhiều lợi thế để phát triển theo hướng phía Nam (đường 14) hoặc xuống phía Đông (đường 19,7,21). Địa hình ở đây là Cao Nguyên, độ cao chênh lệch không đáng kể, tiện việc làm đường, các binh khí kỹ thuật cơ động, thuận tiện, phát huy được hết sức mạnh. Tóm lại, đứng về mặt chiến lược, đây là địa bàn hết sức quan trọng.=>Hội nghị nhất trí thông qua phương án của Bộ tổng tham mưu: chọn Tây Nguyên làm hướng chiến trường chủ yếu trong cuộc tổng tiến công.

Tiếp đó, từ ngày 18.12.1974 đến 8.1.1975, Hội nghị Bộ chính trị mở rộng trong lúc quân dân tỉnh Phước Long mở chiến dịch, giải phóng hoàn toàn tỉnh này (Trong hơn 20 ngày đêm chiến đấu (từ 12-12-1974 đến 6-1-1975), quân dân ta ở Phước Long đã tiêu diệt và bắt sống 3.000 địch, thu 3.000 súng các loại, giải phóng đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long (6-1-1975). Đây là tỉnh đầu tiên ở miền Nam được giải phóng hoàn toàn), đã khẳng định thêm điều kiện để chúng ta có thể thực hiện giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 -1976. Trong cuộc họp này, Bộ Chính trị đã hạ quyết tâm *"Động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền trong thời gian 1975 -1976 đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị kết hợp với đấu tranh ngoại giao làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường..., tiến hành khẩn trương và hoàn thành công tác chuẩn bị mọi mặt, tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam Việt Nam"*.

Quyết tâm chiến lược của bộ chính trị được thể hiện trong kế hoạch chiến lược hai năm 1975-1976: năm 1975: tranh thủ bất ngờ, tiến công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành Tổng công kích-tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Ngoài kế hoạch chiến lược cơ bản 2 năm, trong kế hoạch năm 1975, bộ chính trị còn dự kiến một phương hướng hành động cực kì quan trọng là: "*nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975*".

Hội nghị Bộ Chính trị của Đảng cuối năm 1974 đầu năm 1975 có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Hội nghị đã phân tích, đánh giá chính xác sự phát triển của tình hình, đề ra phương hướng hành động đúng đắn, thể hiện quyết tâm chiến lược cao giải phóng hoàn toàn miền Nam khi thời cơ lớn đến. Đó thực sự là ngọn đuốc soi đường dẫn đến đại thắng của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Về phía địch: Trong ngày 9 và 10 tháng 12 năm 1974, trong "dinh Độc Lập", thiệu họp với bốn tư lệnh các quân đoàn, quân khu Nguy để phán đoán hoạt động của ta trong năm 1975:

Trong năm 1975, ta có thể đánh với quy mô lớn hơn năm 1974 nhưng không như năm 1968 và không bằng 1972, ta chưa có khả năng đánh thành phố hoặc thị xã lớn, dù có đánh cũng không giữ được. Ta chỉ có thể đánh loại thị xã nhỏ và cô lập như Phước Long, Gia Nghĩa. Yêu cầu chủ yếu của ta năm 1975 là giành 2 triệu dân ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và mở rộng vùng giải phóng ra miền núi. Mục đích của ta là giành thắng lợi để thúc ép chúng thi hành hiệp định Pari về Việt Nam. Chúng cho rằng đầu năm 1975, phương hướng tiến công của ta là đánh quân khu 3, chủ yếu là Tây Ninh, nhằm lấy Tây Ninh làm thủ đô của chính phủ cách mạng lâm thời Cộng Hoà miền Nam Việt Nam. Về thời gian tiến công, địch phán đoán ta sẽ đánh trước hoặc sau tết cho đến tháng 6 năm 1975, tới lúc đó là mùa mưa thì dừng lại nghỉ.

Do nhận định như vậy, chúng vẫn không thay đổi thể bố trí chiến lược mạnh hai đầu và chúng cũng chưa có sự tăng cường lực lượng gì lớn ở Tây Nguyên.

Chiến dịch Tây Nguyên (Từ 4-3 đến 24-3-1975)

(Mật danh "Chiến dịch 275")

Tây nguyên hồi đó gồm 5 tỉnh: Kon tum, Gia Lai, Phú Bổn, Đăk lăc và Quảng Đức, là một chiến trường rừng núi nối liền với vùng ven biển hiểm trở. Khi ta chuẩn bị đánh Tây Nguyên, thì địch ở đây có một sư đoàn chủ lực, 7 liên đoàn biệt động quân (tương đương 10 trung đoàn) và 4 thiết đoàn xe tăng, thiết giáp. Chúng bố trí trong thế phòng ngự hoàn chỉnh, nhưng do phán đoán sai ý của ta, cho rằng nếu có đánh Tây Nguyên thì sẽ đánh ở phía Bắc, nên chúng tập trung lo bảo vệ Plây Ku, Kon Tum, ở Nam Tây Nguyên, cụ thể là Đăk Lăc, chúng để lực lượng ít hơn. Thị xã Buôn Ma Thuột, tỉnh lỵ Đăk lăc với 150.000 dân là một trung tâm chính trị và kinh tế của địch, là nơi đóng quân của sư đoàn 23. Ở đây, địch cũng sai lầm trong việc đánh giá ta, cho rằng năm 1975 ta chưa đủ sức đánh thị xã lớn và thành phố, dù có đánh cũng không giữ được khi chúng phản kích lại, bởi vậy chúng bố trí lực lượng không mạnh lắm, có nhiều sơ hở, càng vào bên trong thị xã, lực lượng càng mỏng.

Theo quyết định của Bộ chính trị và quân uỷ trung ương, bộ phận đại diện của quân uỷ trung ương và bộ tổng tư lệnh tại mặt trận Tây Nguyên gồm có: đại tướng Văn Tiến Dũng, trung tướng

Đinh Đức Thiện: chủ nhiệm tổng cục hậu cần, thiếu tướng Lê Ngọc Hiền, Phó tổng tham mưu trưởng và một số cán bộ khác.

Chiến thắng Tây Nguyên chủ yếu gồm 3 trận giòn giã có ý nghĩa then chốt quyết định:

Đánh chiếm thị xã Buôn Mê Thuột; đập tan cuộc phản kích từ Phước An, tiêu diệt sư đoàn nguy số 23; chặn đánh tiêu diệt quân địch rút chạy trên đường số 7.



Đánh chiếm thị xã Buôn Mê Thuột, đòn điểm trúng huyết làm đảo lộn thế trận

Từ ngày 5 đến 8-3, sau khi quân giải phóng bắ m nát các tuyến đường giao thông quân sự 19, 14, 21, thì các căn cứ địch ở Tây Nguyên lâm vào thế bị bao vây chia cắt. Báo Mỹ tuần tin tức 7-4-1975 nhận xét: " Trong cuộc chiến đấu này, chính bằng cách cắt đường sá mà Việt cộng đã gây ra nhiều tác hại nhất cho quân đội Nam Việt Nam" (quân nguy). Sau trận diệt chi

khu quân sự và quận lỵ Thuận Mẫn thuộc Phú Bổn (ngày 8-3) nằm trên đường 14 ở quãng giữa Plây Cu và Buôn Mê Thuột, địch phán đoán rằng đối phương sẽ đánh Plây Cu. Những ngày này các chiến sĩ pháo binh tới tập giới bảo lửa xuống sân bay Cù Hanh nằm trong thị xã Plây Cu. Địch vội vàng điều phần lớn sư đoàn 23 từ Buôn Mê Thuột lên, cùng các liên đoàn quân biệt động, các trung đoàn thiết giáp hình thành một vành đai bảo vệ quanh Plây Cu, nơi đặt sở chỉ huy của quân đoàn 2.

Trong lúc địch đang tập trung quân bảo vệ Plây Cu thì sáng ngày 10-3, quân và dân Tây Nguyên bất thần tiến công và nổi dậy ở thị xã Buôn Mê Thuột. Sau hai ngày chiến đấu, đã nhanh chóng tiêu diệt các căn cứ quân sự địch và làm chủ hoàn toàn thị xã Buôn Mê Thuột.

Chiến thắng Buôn Mê Thuột thể hiện sự chỉ đạo tác chiến rất tài giỏi. Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng đã buộc địch phải tập trung lực lượng về để bảo vệ khu vực Plây Cu, điều sư đoàn 23 là sư đoàn chủ lực duy nhất ở Tây Nguyên rời khỏi Buôn Mê Thuột, tạo nên sơ hở lớn ở đây.

Trận thắng tiêu diệt địch giải phóng Buôn Mê Thuột là đòn hiểm đúng huyết, làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ Tây Nguyên, khiến cho quân địch hết sức bất ngờ choáng váng, thế trận bị đảo lộn dẫn đến sụp đổ nhanh chóng.

Đập tan cuộc phản kích tiêu diệt sư đoàn 23 nguy



Mất Buôn Mê Thuột. Địch hoang mang hoảng hốt. Mỹ - Thiệu lệnh cho Phạm Văn Phú phải lấy lại Buôn Mê Thuột. Chúng cấp tốc đẩy sư đoàn 23 từ Plây Cu xuống Đắc Lắc, tăng cường thêm trung đoàn thiết giáp số 8, liên đoàn biệt động số 22. liên đoàn bảo an số 926 cùng nhiều tiểu đoàn bảo an khác. Chúng chọn Phước An trên đường 21 cách Buôn Mê Thuột 40km về phía đông làm bàn đạp phản kích. Buôn Mê Thuột đã về tay cách mạng mà đài Sài Gòn vẫn ra rả : " Cuộc chiến đấu còn tiếp diễn trên đường phố".

Đây vừa là đòn tâm lý vừa là mưu đồ tái chiếm Buôn Mê Thuột của Mỹ - Thiệu.

Bộ chỉ huy mặt trận Tây Nguyên hạ quyết tâm đập tan cuộc phản kích tiêu diệt toàn bộ quân địch ở đây. Mệnh lệnh vừa truyền xuống, lập tức các đơn vị Quân giải phóng, áp sát địch nhanh chóng đánh chiếm căn cứ trung đoàn 45 chi khu quân sự và quận lỵ Phước An, khống chế các điểm mà quân địch có thể làm bàn đạp phản kích.

Với tinh thần kiên quyết tiến công, bộ đội giải phóng Tây Nguyên đã hạ quyết tâm nhanh, kịp thời cơ động lực lượng nhanh chóng đánh địch khi chúng dừng chân chưa vững. Các chiến sĩ giải phóng đã hình thành nhiều mũi, nhiều hướng áp đảo địch ngay từ lúc đầu, hình thành thế bao vây, chia cắt địch, vừa đánh quân địch ở ngoài công sự, vừa tiến công địch ở căn cứ. Do vậy, đã bẻ gãy hoàn toàn kế hoạch phản kích của chúng. Từ 13 đến 16-3-1975, các chiến sĩ giải phóng đã chiến đấu rất dũng cảm, mưu trí, tiêu diệt sư đoàn 23 và toàn bộ quân địch ở Phước An, đập tan cuộc phản kích của chúng.

Hãng AP phải đưa tin : "Thất bại đầu tiên ở Tây Nguyên làm cho sư đoàn 23 bị diệt chỉ còn 37 tên sống sót trong số 13.000 quân lính của sư đoàn này. Một liên đoàn biệt động quân gồm 1.600 người cũng chỉ còn lại 35 người sống sót". Chiến thắng ở Phước An đã khiến cho bọn địch còn lại ở Tây Nguyên hoảng hốt khiếp đảm, buộc chúng phải đi đến một quyết định bi đát là rút chạy khỏi toàn bộ các tỉnh Gia Lai, Công Tum, Phú Bổn.

Chặn đánh địch tháo chạy trên đường số 7.

Trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn, ngày 27-3 bọn địch còn Tây Nguyên hoảng hốt rút chạy khỏi Công Tum, Play Cu, theo đường số 7 qua Hậu Bổn về Tuy Hoà (Phú Yên). Bọn tháo chạy bao gồm 5 liên đoàn quân biệt động. Hai trung đoàn thiết giáp một số tiểu đoàn bộ binh, pháo binh cùng toàn bộ lực lượng địa phương quân. Tên đại tá Phạm Duy Tất được Mỹ - Thiệu nhắc lên chuẩn tướng để chỉ huy việc rút chạy này. Các hãng thông tin và báo chí phương tây đã mô tả : "Cuộc kéo chạy của quân Sài Gòn kéo dài tới 300 km", "Đây là cuộc tháo chạy lớn nhất, hoảng hốt nhất trong suốt cuộc chiến tranh Việt Nam", "Sự kiện rút chạy này chắc chắn sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến tinh thần vốn đã thấp kém của quân (ngụy) Nam Việt Nam".(Thiệu và Cao Văn Viên)

Một lần nữa, bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng đã nắm chắc ý đồ địch "bỏ Tây Nguyên". Một số đơn vị đã được lệnh gấp rút hành quân chặn đánh địch. Thế là cuộc chiến đấu đánh địch tháo chạy trên đường số 7 đã diễn ra quyết liệt, liên tục trong 7 ngày từ 17 đến 23-3-1975, từ Hậu Bổn đến Phú Túc. Các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng diệt và làm tan rã hơn 7.000 tên, thu 740 xe quân sự và gần 100 đại bác.

Đây là một trận đánh tiêu diệt địch trên đường giao thông quy mô lớn, phạm vi rộng, Các đơn vị lực lượng vũ trang giải phóng nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh của Bộ chỉ huy, nhanh chóng vận động chặn đánh địch rút chạy. Các đơn vị đã xé đội hình chúng ra thành từng mảng để tiêu diệt. Thừa thắng, các chiến sĩ giải phóng diệt cả bọn địch ở thị xã Hậu Bổn, hỗ trợ nhân dân nổi dậy giải phóng toàn bộ tỉnh Phú Bổn.

Địch hy vọng tháo chạy để bảo toàn lực lượng nhưng không thoát. Kế hoạch rút quân Tây Nguyên về co cụm ở ven biển miền Trung bị đập vỡ. Cuộc rút lui chiến lược mà Nguyễn Văn Thiệu gọi là "di tản chiến thuật" đã biến thành một cuộc tháo chạy hoảng loạn, dẫn tới một kết quả bi thảm là toàn bộ lực lượng quân ngụy ở Tây Nguyên bị tiêu diệt và tan rã.

Quân và dân Tây Nguyên đã phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, bất khuất, đồng loạt tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, đã quét sạch toàn bộ lực lượng quân sự, đập tan bộ máy kìm kẹp

của địch giải phóng hoàn toàn 4 tỉnh Công Tum, Plây Cu, Đắk Lắk, Phú Bổn với hơn 60 vạn đồng bào các dân tộc. Quân và dân Tây Nguyên đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 12 vạn tên địch, tiêu diệt sư đoàn bộ binh số 23, 5 liên đoàn quân biệt động, 4 trung đoàn thiết giáp, 8 tiểu đoàn pháo; diệt và làm tan rã 3 liên đoàn, 24 tiểu đoàn bảo an, 485 trung đội dân vệ, thu 1.250 xe quân sự, 110 đại bác, hàng vạn tấn vũ khí, đạn dược và phương tiện chiến tranh.

Thắng lợi rất to lớn của Tây Nguyên là thắng lợi của sự chỉ đạo chiến lược, chiến dịch rất tài tình sáng tạo; thể hiện chất lượng chiến đấu cao, sức mạnh chiến đấu lớn của các lực lượng vũ trang giải phóng; là thắng lợi của cả 3 mũi tiến công quân sự, nổi dậy của quần chúng và vận động binh sĩ địch; là kết quả của sự hiệp đồng chặt chẽ giữa các hướng trong chiến dịch. Chiến thắng Tây Nguyên mở ra một cục diện hết sức tốt đẹp tạo nên thời cơ mới vô cùng thuận lợi cho quân và dân miền Nam xốc tới tiến công và nổi dậy thần tốc, mãnh liệt liên tiếp tiêu diệt các lực lượng sừng sỏ của địch, giải phóng toàn bộ vùng đồng bằng ven biển chiến lược miền Trung, lập nên thắng lợi cực kỳ to lớn của miền Nam anh hùng.

"Với thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên, cuộc chiến tranh cách mạng đã bước sang một giai đoạn mới, từ tiến công có ý nghĩa chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam"

Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (Từ 21-3 đến 3-4-1975)

CHIẾN DỊCH TRỊ - THIÊN - HUẾ



Từ 8 đến 21-3:

Phối hợp chặt chẽ với chiến dịch Tây Nguyên, quân và dân các tỉnh Quảng Trị Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi đã tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, đập tan lực lượng quân sự và bộ máy kìm kẹp của địch, giành thắng lợi lớn.

Ở Trị - Thiên:

Từ 8 đến 27-3, quân và dân ta đã tiến công nổi dậy đánh địch ở chi khu quân sự, quận lỵ Mai Lĩnh, Tam Toà, bắc cửa Tư Hiền diệt và bức rút 18 phân chi khu quân sự ở tuyến giáp ranh và đồng bằng Quảng Trị, Thừa Thiên. Chiến dịch ở Tây Nguyên bị đập tan, quân đoàn 2 nguy bị tiêu diệt và tan rã, tuyến phòng ngự phía tây quân khu 1 nguy bị chọc thủng nhiều nơi, địch buộc phải co cụm về dọc bờ biển Thừa Thiên và Trung Trung bộ, chủ trương cố thủ Huế - Đà Nẵng, hòng bảo toàn lực lượng của chúng ở quân khu 1 và ngăn chặn bước tiến quân của quân ta.

Trước thời cơ lớn, ta chủ trương chuyển từ tiến công sang tổng tiến công vào toàn bộ căn cứ quân sự địch ở quân khu 1, cắt đứt giao thông địch từ Huế - Đà Nẵng và Quảng Ngãi, Quảng Nam ra Đà Nẵng, tiêu diệt sư đoàn bộ binh số 1 và 2 nguy, giải phóng Thừa Thiên - Huế, Giải Phóng Quảng Nam, Quảng Ngãi, tạo điều kiện giải phóng thành phố Đà Nẵng, đập tan toàn bộ quân đoàn 1 nguy.

Thực hiện chủ trương đó, ở Thừa Thiên, ngày 22-3, quân giải phóng vượt qua các căn cứ phòng ngự của địch ở phía Tây, cắt đứt đường số 1 trên đoạn từ Huế đi Đà Nẵng, đặt pháo lớn bắn phá quân địch ở cửa Thuận An. Ngày 23-3, một đơn vị Quân giải phóng tiến công tiêu diệt địch ở Mũi Né, Kim Säck, Lương Điền, và theo đường số 1 phát triển về Thành Phố Huế. Cùng ngày Quân giải phóng tiến công địch ở La Sơn, Đồng Lâm và Hiệp Khánh, đánh thiệt hại nặng lữ đoàn lính thủy đánh bộ số 147. Tiếp đó trong 2 ngày 24, 25-3, Quân giải phóng tiếp tục tấn công địch ở Phú Vang ngã ba Sinh, hình thành thế bao vây địch trong thành phố Huế, đồng thời bắn pháo vào đội hình địch đang chạy ra phía biển, ngăn chặn tàu chiến địch đến cứu đồng bọn ở cửa Thuận An và cửa Tư Hiền.

Ngày 25,26-3 Quân giải phóng từ nhiều hướng đánh vào thành phố Huế, diệt và làm tan rã nhiều địch. Đồng bào thành phố Huế đã nổi dậy đập tan bộ máy kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ. Đúng 6 giờ 30 sáng 26-3, cờ cách mạng đã tung bay trên đỉnh cột cờ trước Ngọ Môn. Thành Phố Huế và tỉnh Thừa Thiên được hoàn toàn giải phóng.

Thắng lợi ở Trị - Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Chu Lai và việc tiêu diệt các sư đoàn I, II của đối phương, phá vỡ một bộ phận quan trọng trong kế hoạch co cụm để giữ Đà Nẵng của chúng, đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho quân ta tiến lên tiêu diệt chúng ở Đà Nẵng.

CUỘC TỔNG CÔNG KÍCH VÀO ĐÀ NẴNG



Cánh quân lớn của Quân giải phóng từ Thừa Thiên-Huế tiến vào Đà Nẵng :

Rạng sáng ngày 28-3, sau khi tiến công tiêu diệt địch ở Lăng cô, một đơn vị Quân giải phóng đã theo đường số 1 vượt qua đèo Hải Vân, phát triển qua Liên Chiểu, đánh thẳng vào các mục tiêu quân sự của địch ở trong thành phố Đà Nẵng lúc 11 giờ ngày 29 tháng 3 và sau đó đánh chiếm bán đảo Sơn Trà vào lúc 13 giờ cùng ngày.

Ngày 26-3 một đơn vị Quân giải phóng từ căn cứ La Sơn theo đường 14B phát triển qua Nam Yên đánh chiếm căn cứ Hoà Khánh lúc 4 giờ ngày 29-3.

Ở hướng Tây nam, ngày 28 và ngày 29-3, một đơn vị Quân Giải phóng từ Thượng Đức tiến quân về Đà Nẵng, đánh thiệt hại nặng lữ đoàn lính thủy đánh bộ nguy số 369, vượt qua Phú Hương, Núi Đất, Hiếu Đức và đánh thẳng vào sân bay Đà Nẵng.

Cánh quân của Quân giải phóng ở phía nam:

Từ chiều 27-3, một đơn vị quân giải phóng tiến đến Bà Rén, nhanh chóng vượt qua sông Bà Rén, tiến công tiêu diệt địch ở bờ bắc sông, phát triển qua Vĩnh Điện đánh chiếm sân bay nước mặn lúc 15 giờ ngày 29-3. Cùng lúc, các lực lượng vũ trang địa phương sau khi đánh chiếm thị xã Hội An theo dọc bờ biển đánh chiếm căn cứ Non Nước và đến sáng 29-3, đánh thẳng vào sân bay Nước Mặn. Ngày 28-3, Quân giải phóng vượt sông Cầu Lâu tiến công tiêu diệt địch ở Thanh Quý, vượt Cầu Đỏ đánh thẳng vào sân bay Đà Nẵng lúc 12 giờ ngày 29-3.

Tiếp đó ở khu vực Kỳ Lam lúc 9 giờ sáng 29-3, một đơn vị Quân giải phóng cũng vượt sông Cầu Lâu qua phía nam Cầu Đỏ, đánh vào sân bay Đà Nẵng.

Phối hợp chặt chẽ với các mũi tiến công của bộ binh, ngay từ sáng 28-3 pháo binh Quân giải phóng ở cả hai hướng nam và bắc Đà Nẵng đã giội bão lửa khổng lồ chế hoàn toàn sân bay, bến cảng và nhiều mục tiêu quân sự khác của địch. Tàu chiến địch đến cứu đồng bọn bị pháo ta khổng lồ chế. Phải lùi ra xa. Quân địch tháo chạy theo đường biển đã bị tiêu diệt và hoàn toàn tan rã.

Đồng bào thành phố Đà Nẵng đã nổi dậy mạnh mẽ, phối hợp với các lực lượng vũ trang, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ. Hơn 3000 binh sĩ nguy ở Hoà Cầm đã nổi dậy trở về với cách mạng.

Lúc 9 giờ 30 phút ngày 29-3, đồng bào nổi dậy phối hợp với bộ đội địa phương bao vây một đơn vị lính thủy đánh bộ ở sân bay Nước mặn, buộc chúng phải bỏ súng đầu hàng.

Như vậy, từ 6 giờ ngày 28-3 đến 15 giờ ngày 29-3, sau 33 giờ chiến đấu cực kỳ anh dũng, thần tốc, táo bạo, linh hoạt, các lực lượng vũ trang giải phóng và đồng bào địa phương đã tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân đoàn 1 nguy bao gồm hơn 10 vạn tên, đập tan căn cứ quân sự liên hợp lớn của địch ở Đà Nẵng, thu toàn bộ vũ khí và phương tiện chiến tranh của chúng.

Đúng 15 giờ ngày 29-3, thành phố Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng

Phối hợp với mặt trận Huế - Đà Nẵng, từ chiến trường Tây Nguyên vừa được giải phóng, các binh đoàn chủ lực của ta phát triển cuộc tiến công xuống các tỉnh ven biển miền Trung, cùng với lực lượng tại chỗ đã tiến công và nổi dậy giải phóng tỉnh Bình Định với thành phố Quy Nhơn (1-4), tỉnh Phú Yên với thị xã Tuy Hòa (1-4) và tỉnh Khánh Hòa với huyện Ninh Hoà (2-4) thành phố Nha Trang (2-4) và quân cảng Cam Ranh (3-4).

Chiến dịch Huế - Đà Nẵng, trận then chốt thứ hai đại thắng, đã làm sụp đổ hoàn toàn hệ thống phòng ngự chiến lược của Thiệu ở miền Trung, xóa bỏ Quân khu I, phá tan âm mưu co cụm chiến lược của chúng, không để cho lực lượng đối phương rút về tăng cường phòng thủ quanh Sài Gòn, đẩy chúng vào tình trạng tuyệt vọng, tạo điều kiện thuận lợi cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng: Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.



Sau khi mất hoàn toàn Quân khu I và Quân khu II trong thời gian không đầy một tháng, Nguyễn Văn Thiệu cho rằng phải hai tháng nữa quân ta mới có thể tiếp tục tiến công, nên chúng có thời gian và khả năng để bảo vệ Quân khu III, Quân khu IV. Chúng tập hợp bọn tàn quân, củng cố lực lượng còn lại, tổ chức tuyến phòng thủ từ xa hòng giữ phần đất còn lại từ Phan Rang trở vào; ngăn chặn, làm chậm lại cuộc tiến công của quân ta cho đến mùa mưa, sau đó phản kích chiếm một số vùng để mặc cả với ta trên bàn đàm phán.

Về phía Mỹ, để giúp bọn tay sai kéo dài cơn hấp hối, chính quyền Pho cho lập cầu hàng không khẩn cấp chuyên chở vũ khí, trang bị cho quân đội Sài Gòn.

Trên cơ sở đánh giá thời cơ chiến lược để tiến hành "tổng công kích, tổng khởi nghĩa" vào sào huyệt của quân Sài Gòn đã chín muồi, Bộ Chính trị hạ quyết tâm "Năm vững thời cơ chiến lược hơn nữa, với tư tưởng chỉ đạo "thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng", thực hiện "tổng công kích,

tổng khởi nghĩa" trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4 năm 1975, không thể chậm trễ".

Để thực hiện quyết tâm đó, Bộ Chính trị đã quyết định một loạt vấn đề lớn, nhằm đảm bảo cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng toàn thắng, trong đó có quyết định thành lập Bộ tư lệnh và Đảng ủy mặt trận (3-4), quyết định tên chiến dịch đánh vào Sài Gòn là "Chiến dịch Hồ Chí Minh" (14-4). <bức điện số 37/TK gửi bộ chính trị>

Ngày 8/4/1975 trong cuộc họp của Trung Ương cục, quân Ủy miền Bộ tư lệnh B2, và một số cán bộ của bộ Tổng tư lệnh tham dự, đã phổ biến quyết định của bộ Chính Trị về việc thành lập bộ chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn-Gia Định gồm có: Đại tướng Văn Tiến Dũng –Tư lệnh, Phạm Hùng-Chính Ủy các phó tư lệnh chuyên trách.

Nắm vững thời cơ chiến lược, Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền nam Việt Nam hạ quyết tâm tập trung toàn bộ lực lượng, mở cuộc tổng tiến công quy mô lớn, thực hiện trận quyết chiến chiến lược nhằm đập tan lực lượng quân sự và bộ máy kìm kẹp còn lại của địch, giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, giải phóng hoàn toàn miền nam nước ta.

Bước vào chiến dịch, từ ngày 9 đến 26-4-1975

ở hướng đông:

Ngày 9-4, quân và dân ta mở các đợt tiến công mãnh liệt đánh vào tuyến phòng ngự của địch ở Xuân Lộc thuộc tỉnh Long Khánh.

Trận chiến Xuân Lộc

Mức độ ác liệt của trận chiến ***Xuân Lộc*** đã được ***Đại tướng Văn Tiến Dũng*** nói đến trong "***Đại thắng mùa xuân***" :

"Mặt trận Xuân Lộc ác liệt và đẫm máu từ những ngày đầu tiên. Các Sư Đoàn 6, 7, 341 của ta phải tiến công trong thành phố nhiều lần nhưng gặp phải sức kháng cự mãnh liệt của Tung Đoàn 43 địch quân. Các đơn vị pháo của ta đã sử dụng nhiều hơn cơ số đạn dự trữ. Số lớn tăng và xe bọc thép của ta bị hạ..."

Còn về phía địch cũng đánh giá : "*Trận chiến Xuân Lộc là cơn phần nộ cuối cùng của một quân đội anh hùng bị bội phản*" và mặc dù tự coi là chiến thắng, nhưng "*Và đây cũng là chiến thắng sau cùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa trước khi bị bức tử ngày 30 tháng Tư năm 1975*"

(tư liệu từ nhiều nguồn,để thấy rõ mức ác liệt của trận này tôi thêm vào cả tư liệu "từ phía bên kia,các bạn hãy tỉnh táo khi đọc thông tin")

Sau khi Đà Nẵng thất thủ, Mỹ - ngụy vội vã tổ chức tuyến phòng thủ mới kéo dài từ Phan rang qua Xuân lộc đến tây Ninh, trong đó Xuân Lộc, 1 thị xã thuộc tỉnh Long Khánh, cách Sài Gòn 60 km về phía đông bắc là điểm trọng tâm, nhằm ngăn chặn quân ta tiến theo đường số 1 và đường 20 đánh vào Biên Hòa và Sài Gòn

* Lực lượng phòng thủ của địch :

Sư đoàn 18 Bộ Binh, gồm :
- Trung đoàn 43

- Trung đoàn 48
- Trung đoàn 52

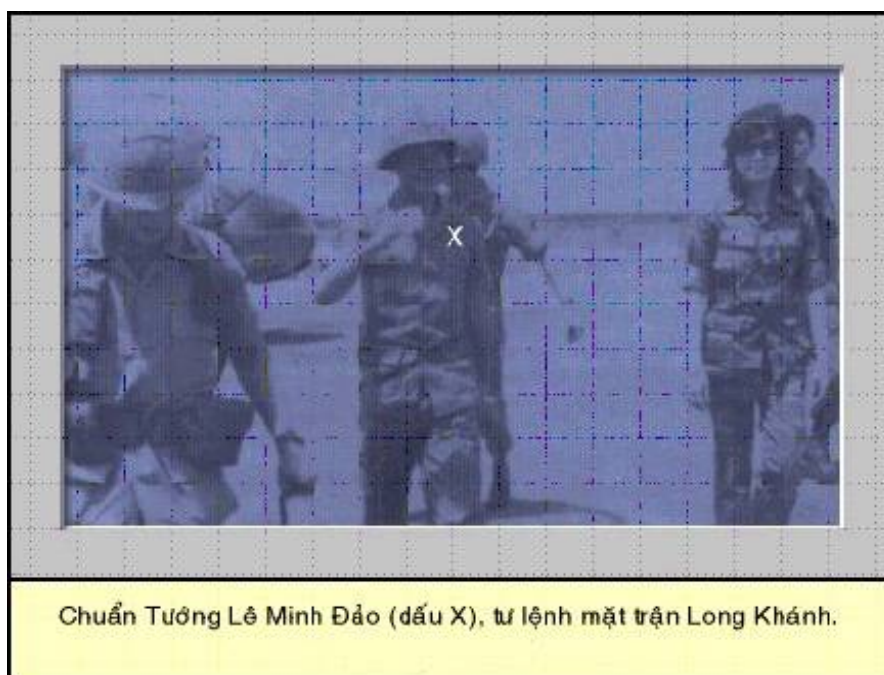
Cùng các lực lượng Địa phương quân.

Sau đó các đơn vị được tăng viện cho Xuân Lộc gồm có :

- Trung đoàn 8 Sư đoàn 5 Bộ Binh ,
- Lữ đoàn 3 Thiết Kỵ ,
- Liên đoàn 7 Biệt Động Quân ,
- 2 Tiểu đoàn Pháo Binh ,
- Liên đoàn 81 Biệt Cách Dù ,
- Lữ đoàn 1 Dù gồm các Tiểu đoàn 1 , 2, 8 , 9 và Tiểu đoàn 3 Pháo Binh Dù

Phần không quân yểm trợ do Sư đoàn 4 Không Quân từ Cần Thơ đảm nhiệm

Tất cả các lực lượng trên đặt dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tướng Lê Minh Đảo , Đại Tá Lê Xuân Mai Tư lệnh Phó SD18BB , Đại Tá Biệt Động Quân Phạm Văn Phúc là Tỉnh trưởng Long Khánh .



Các đơn vị được bố trí như sau :

- Ngã Ba Dầu Giây : do Trung đoàn 52 SD18BB và một Thiết đoàn Chiến xa trấn giữ .
 - Mặt núi Chứa Chan , Gia Rai do Liên đoàn 7 Biệt Động Quân và Trung đoàn 48 SD18BB trấn giữ
 - Thị xã Xuân Lộc do Trung đoàn 43 SD18BB và các Tiểu đoàn Địa phương quân bảo vệ
- Bộ Tư Lệnh hành quân đặt tại Quận đường Xuân Lộc .

*** Lực lượng tiến công của ta :**

Nhiệm tiến công Xuân Lộc được giao cho Quân đoàn 4 gồm :

- Sư đoàn bộ binh 7
- Sư đoàn bộ binh 341
- Lữ đoàn phòng không 71
- Lữ đoàn pháo 24
- Lữ đoàn công binh 25
- Lữ đoàn thông tin 26
- 1 tiểu đoàn trinh sát
- Đại đội vận tải

Ngoài Quân đoàn 4, còn có :

- Sư đoàn bộ binh 6 phối thuộc.
- 2 tiểu đoàn xe tăng
- 2 tiểu đoàn bộ đội địa phương

Tư lệnh chiến dịch : Đồng chí Hoàng Cầm.



Thượng tướng Hoàng Cầm, nguyên tư lệnh QĐ4

Bộ tư lệnh chiến dịch xác định :

- Sư đoàn 7 tiến công trên hướng chủ yếu từ phía đông thị xã, có nhiệm vụ đánh chiếm hậu cứ trung đoàn 5 thiết giáp, chiến đoàn 43, sở chỉ huy sư đoàn 18 nguy, tiêu diệt toàn bộ quân địch ở đông thị xã.
- Sư đoàn 341 tiến công trên hướng thứ yếu từ phía bắc thị xã, có nhiệm vụ đánh chiếm ty cảnh sát, khu cổ vấn Mỹ, dinh tỉnh trưởng và cùng sư đoàn 7 phát triển xuống phía nam, sư đoàn 6

chia cắt ở đường 1, đoạn ngã 3 Dầu Dây, có nhiệm vụ tiêu diệt các chốt địch từ ấp Hưng Lộc – đèo Mẹ Bồng Con, đánh viện binh và đánh địch rút chạy.

- Quân đoàn tổ chức 4 cụm pháo, 2 cụm cao xạ chi viện và bảo vệ cho các cụm chiến đấu.
- Sở chỉ huy chiến dịch đặt ở bắc sông La Ngà.

Trận chiến Xuân Lộc

Cuộc chiến đấu ở Xuân Lộc diễn ra hết sức quyết liệt. Qua 3 ngày chiến đấu, tuy ta đã chiếm được 1 số mục tiêu, diệt 1 bộ phận sinh lực địch và giữ được 1 số địa bàn quan trọng, nhưng ta chưa diệt gọn được 1 tiểu đoàn nào của chúng, bộ đội bị thương vong nhiều :

- Sư đoàn 7 thương vong 300
- Sư đoàn 341 thương vong 1200
- 6 xe tăng bị địch bắn hỏng và cháy
- hầu hết pháo 85mm và 57mm bị hỏng vì bom đạn.

Xuất phát từ nhận định cơ bản : Xuân Lộc chỉ có giá trị khi được nối với Biên Hòa, Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương lập thể trận mới :

- Cô lập và cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa bằng cách đánh chiếm ngã 3 Dầu Dây
- Cắt đường số 1, chặn đánh địch từ Trảng Bom lên
- Đánh chiếm Tân Phong, cắt đường số 2 đi Bà Rịa.

Thực hiện chủ trương trên, Bộ tư lệnh đã ra lệnh ***ngừng tiến công thị xã***

Mỗi sư đoàn chỉ để lại 1 tiểu đoàn kiểm chế nghi binh, còn lại rút ra phía sau củng cố làm lực lượng cơ động.

- Sư đoàn 6 và trung đoàn 95B (vừa được trên tăng cường) tổ chức bao vây tiêu diệt chiến đoàn 52, thực hiện chốt chặn chiến dịch, diệt quân địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích
- Trung đoàn 209 triển khai trên dải ở phía bắc chi khu Tân Phong chặn đánh lữ đoàn 1 dù không cho chúng vượt qua cầu Gia Liên để phối hợp với trung đoàn 43 trong thị xã

Ngày 13, các đơn vị của ta rút khỏi thị xã.

Trong khi ta chuyển thể trận, địch tưởng rằng chúng đã đẩy lùi được cuộc tiến công của ta. Chúng tuyên truyền rùm beng về “chiến thắng Xuân Lộc”, về “khả năng chiến đấu của quân lực VNCH đã được phục hồi” ...

Rạng sáng 15-4-1975, pháo 130mm của chiến dịch bắn dồn dập vào sân bay Biên Hòa, cùng lúc bằng 5 trận tập kích, sư đoàn 6 và trung đoàn 95B đã tiêu diệt chiến đoàn 52, diệt gọn 1 tiểu đoàn pháo, 1 chi đoàn thiết giáp, giải phóng hoàn toàn chi khu Gia Kiệm, ngã 3 Dầu Dây, cắt đứt đường số 1 đoạn Xuân Lộc – Bầu Cá, đường 20 đoạn Túc Trưng – Ngã 3 Dầu Dây.

Trong 2 ngày 16 và 17, sở chỉ huy tiền phương quân đoàn 3 ngụ ở Trảng Bom đốc thúc lữ đoàn 3 thiết giáp cùng chiến đoàn 8 của sư đoàn 5 với hơn 100 khẩu pháo ở các căn cứ Nước Trong, Hốc Bà Thước, Long Bình, Đại An và 125 lần chiếc máy bay mỗi ngày chi viện, phản kích hòng

chiếm lại khu vực Dầu Dây. Dư đoàn 6 và trung đoàn 95B chặn đánh địch quyết liệt ở Hưng Nghĩa và điểm cao 122, diệt gọn 1 tiểu đoàn, bắt hơn 100 tên, đẩy lùi quân địch xuống Bầu Cá.

"Tại ngã ba Dầu Giây, Cộng Sản Bắc Việt đã đồng loạt tấn công Chiến Đoàn 52 Bộ Binh từ ngày 12 tháng 4/1975 bằng các trận đánh biển người, kèm theo xe tăng và pháo. Lần lượt các tiền đồn của Trung Đoàn 52 Bộ Binh từ Kiêm Tân về tới ấp Phan Bội Châu trên Quốc Lộ 20 bị tràn ngập. Một trận chiến ác liệt và đẫm máu đã xảy ra chiều ngày 15 tháng 4/1975 ngay tại xã Dầu Giây (ở ngã ba giao điểm của Quốc Lộ 1 và 20) giữa Chiến Đoàn 52 Bộ Binh (gồm Trung Đoàn 52, Lữ Đoàn 3 Thiết Kỵ, các lực lượng Địa Phương Quân ở Kiêm Tân, tổng cộng khoảng 2,000 người) và Binh Đoàn 4 Cộng Sản Bắc Việt (trong đó có Sư Đoàn 341, một sư đoàn tổng trừ bị của Hà Nội vừa từ Thanh Hóa vào), do Trần Văn Trà thay thế Hoàng cầm chỉ huy.

Trong trận này, bộ đội Bắc Việt đánh trận biển người. Trong trận chiến nung quân man rợ, tàn bạo và khủng khiếp này của Bắc Việt, mỗi một người lính VNCH đã phải chọi với 10 bộ đội Cộng Sản được yểm trợ bằng tăng và pháo. Chiến Đoàn 52 Bộ Binh cuối cùng đã tan hàng vào đêm 15 tháng 4/1975. Tất cả pháo binh, thiết giáp, người, đều bị Cộng Sản Bắc Việt hủy diệt sau mấy ngày đêm cầm cự. Chín giờ đêm đó, khi chiếc hầm chỉ huy của chiến Đoàn bị bắn sập, đại tá chiến đoàn trưởng mới cho rút quân. Cùng theo ông chỉ còn 200 người sống sót."

Trước nguy cơ bị tiêu diệt và hơn nữa mất Dầu Dây, Xuân lộc mất giá trị phòng thủ, **địch quyết định rút khỏi Xuân Lộc.**

"Theo lời Tướng Nguyễn Văn Toàn, thì chính ông ra lệnh rút bỏ Long Khánh vì thấy rằng phòng tuyến này không còn giữ được nữa, hơn phân nữa quân CSBV, sau khi bị thiệt hại nặng nề, đã cho thay đổi kế hoạch tấn công Saigon bằng chiến dịch thứ nhì với 5 sư đoàn đánh vào Biên Hòa, Phước Tuy, đồng loạt với 3 sư đoàn khác tại Tây Ninh. Vì vậy, Long Khánh không còn là điểm nóng, nên tất cả lực lượng tham chiến tại đây phải rút về Biên Hòa để lập phòng tuyến mới. Trong cuộc rút quân này, Lữ Đoàn Nhảy Dù bị thiệt thòi và chịu số phận bi đát nhất vì là đơn vị đi đoạn hậu. Họ phải chống trả với đại quân Cộng Sản Bắc Việt. Hai bên còn đang giao tranh ác liệt tại Bão Định thì 7 giờ tối ngày 20 tháng 4/1975 có lệnh rút quân, trong khi các thương binh và tử thi lính VNCH chưa được di tản. Nhưng tất cả đành phải bỏ lại như nằm nào tại Hạ Lào, bởi vì đối với người còn sống, đoạn đường đầy xác lính VNCH hơn 4 km trong rừng cao su đen nghịt để ra Quốc Lộ 1, là các cửa địa ngục phải vượt qua. Tất cả thảm trạng trên đều là những oan khiên bi thảm của người lính VNCH mà ít ai biết đến".

Do phát hiện và tổ chức tiến công, truy kích chậm, tổ chức chốt chặn không tốt, mặt khác do trời tối, mưa to nên ta chỉ diệt được 1 bộ phận đi sau của địch, bắt sống tên đại tá tình trưởng Long Khánh. Ngày 21-4-1975, thị xã Xuân Lộc và toàn tỉnh Long Khánh được giải phóng.

Chiến dịch Xuân Lộc kết thúc

"Bốn giờ sáng ngày 21 tháng 4/1975, tại ấp Suối Cá, gần ranh giới Long Khánh-Phước Tuy, Tiểu Đoàn 3 Dù bị 2 tiểu đoàn CSBV phục kích. Pháo Đội C và trung đội trinh sát bảo vệ, hầu hết đều bị thương vong trước biển người tấn công. Cán quân đi đầu của Tiểu Đoàn 9 Dù cũng đụng độ nặng với CSBV tại thung lũng Gia Rai, dưới chân núi Cam Tiên. Ngoài những thiệt hại kể trên, cuộc rút quân trên Liên Tỉnh Lộ 2 coi như hoàn tất, kết quả tốt đẹp. Sư Đoàn 18 Bộ Binh được chỉ định về phòng thủ tuyến phía Đông thủ đô Saigon từ Long Bình đến kho đạn thành Tuy Hạ, tiếp cận với các lực lượng của trường Bộ Binh Thủ Đức, trường Thiết Giáp và một lữ đoàn Dù có trách nhiệm bảo vệ Quốc Lộ 15 từ Long Thành về Bà Rịa. Tất cả chiến đấu cho tới khi Dương Văn Minh ra lệnh bỏ súng, tan hàng vào lúc 11 giờ 30 mới chấm dứt. ..."

Kết quả :

- Đánh thiệt hại nặng sư đoàn 18, lữ đoàn dù 1
- Tiêu diệt chiến đoàn 52 (sư đoàn 18)
- Đánh thiệt hại trung đoàn 5 và lữ đoàn 3 thiết giáp

- Diệt 2056 tên, bắt 2785 tên
- Thu 48 ô tô, 1499 súng các loại
- Phá hủy 42 xe tăng, thiết giáp, 16 ô tô
- Giải phóng Xuân Lộc và toàn bộ tỉnh Long Khánh

Chiến thắng Xuân Lộc đã đập tan “cánh cửa thép” cửa ngõ phía đông Sài Gòn, làm rung chuyển cả hệ thống phòng thủ còn lại của địch ở xung quanh Sài Gòn, làm suy sụp nhanh thêm tinh thần chiến đấu của quân địch, tạo ra 1 địa bàn tập kết thuận lợi cho các binh đoàn chủ lực tiến công vào Sài Gòn từ hướng Đông, một thế trận mới rất có lợi cho chiến dịch Hồ Chí Minh.

GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN TỈNH NINH THUẬN



Sau những thất bại nặng nề từ đầu tháng 3-1975 đến nay tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu đã đưa lữ đoàn lính nhảy dù số 2, liên đoàn quân biệt động số 31 và thu thập số tàn quân của các đơn vị đã bị đánh tan tác ở vùng quân khu 1, huy động lực lượng không quân và hải quân tổ chức tuyến phòng ngự đặt dưới sự chỉ huy của bộ chỉ huy tiền phương quân đoàn 3 nguy ở tỉnh Ninh Thuận và thị xã Phan Rang, hòng cố thủ và ngăn chặn bước tiến mạnh mẽ của quân giải phóng.

Phối hợp chặt chẽ với quân và dân trên toàn miền Nam, thừa thắng, ngày 16-4, các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng Ninh Thuận đã từ nhiều hướng đánh thẳng vào hướng phòng ngự của địch ở khu vực thị xã Phan Rang, sở chỉ huy tiền phương quân đoàn 3, bộ tư lệnh sư đoàn không quân số 6, các bộ tư lệnh quân biệt động, lữ đoàn lính nhảy dù nguy số 2 và những đơn vị vừa tập hợp lại, trận địa pháo và các cụm xe tăng, xe bọc thép của địch. bắt Nguyễn Vĩnh Nghi, trung tướng chỉ huy trưởng bộ chỉ huy tiền phương quân đoàn 3 và Phạm Ngọc Sang, chuẩn tướng tư lệnh sư đoàn không quân nguy số 6 thu toàn bộ vũ khí và phương tiện chiến tranh.

Đồng bào thị xã Phan Rang đã nổi dậy phối hợp cùng quân giải phóng nhanh chóng đập tan bộ máy kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ.

Đúng 7 giờ sáng ngày 16-4-1975, thị xã Phan Rang đã hoàn toàn giải phóng.

Tiếp đó quân giải phóng đã nhanh chóng tiến công địch ở sân bay Thành Sơn (cách thị xã Phan Rang 12 km về phía Tây Bắc), tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn quân địch ở đây.

Đến 10 giờ sáng ngày 16-4-1975, quân giải phóng đã làm chủ sân bay Thành Sơn. Toàn bộ tỉnh Ninh Thuận đã được hoàn toàn giải phóng. Hơn 30 vạn đồng bào tỉnh Ninh Thuận và thị xã Phan Thiết đã giành quyền làm chủ. Hàng ngàn binh lính sĩ quan, cảnh sát, nhân viên nguy quyền nghe theo lời kêu gọi của cách mạng đã mang vũ khí trở về với nhân dân.

+ Từ 16 đến 25-4, trên đường tiến công, Quân giải phóng đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang và đồng bào địa phương tiến công và nổi dậy tiêu diệt làm tan rã nhiều địch giải phóng hoàn toàn tỉnh Bình Thuận và thị xã Phan Thiết, tỉnh Bình Tuy và thị xã Hàm Tân.

ở hướng tây-nam:

Cùng thời gian đó Quân giải phóng đã tiến công thị xã Tân An, các chi khu quân sự, quận lỵ Thủ Thừa, Tân Trụ, Cần Đước, Bến Lức, cắt đứt đường số 4, tạo thế bao vây chia cắt chiến dịch.



Từ 17 giờ ngày 26-4 đến 1-5-1975, cuộc tiến công của Quân giải phóng vào tuyến phòng thủ cuối cùng của địch đã diễn ra trên các đường.

Trong các ngày 26, 27 và 28-4 trên trục đường số 1. Quân giải phóng đã đánh chiếm yếu khu quân sự Trảng Bom, bao vây địch ở thị xã Biên Hoà. Một đơn vị quân giải phóng đã nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm và giữ cầu xa lộ Biên Hoà, cắt đứt giao thông địch. Ngày 27-4, Quân giải phóng đã đánh chiếm thị xã Bà Rịa.

Cùng thời gian đó quân giải phóng đã tiến hành đánh trường sĩ quan thiết giáp nguy tại căn cứ Nước Trong, các căn cứ quân sự của địch trong tỉnh Biên Hoà, sân bay Long Thành trên trục đường số 15, từ đó phát triển về Nhơn Trạch, Cát Lái, đặt pháo lớn ở đây bắn phá khống chế hoàn toàn sân bay Tân Sơn Nhất và nhiều mục tiêu quân sự khác trong thành phố Sài Gòn.

Quân giải phóng đã cắt nhiều đoạn trên trục đường số 4 và trục đường số 22, đồng thời bắn pháo lớn vào thị xã Tây Ninh, Gò Dầu Hạ, 17 giờ 30 phút ngày 28-4 không quân giải phóng đã tấn công sân bay Tân Sơn Nhất, phá huỷ nhiều máy bay địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng nề.

Cho đến ngày 28-4, tất cả các cánh quân lớn của Quân giải phóng đã vây chặt quân địch tại Sài Gòn

Cũng trong thời gian đó, do nắm được thời cơ thuận lợi khi quân Mỹ - ngụy Sài Gòn gặp nguy khốn, lại được sự phối hợp chiến đấu của quân ta, quân dân Campuchia đã đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, giáng cho quân Mỹ - ngụy Lon Non những đòn nặng nề. Ngày 17-4-1975, năm ngày sau khi những người Mỹ cuối cùng rút về nước, các lực lượng vũ trang Campuchia bắt đầu cuộc Tổng công kích vào thủ đô Phnôm Pênh, phối hợp với quần chúng nổi dậy, đập tan quân ngụy, giải phóng Phnôm Pênh và giải phóng hoàn toàn đất nước Campuchia.

Do thấy trước tình hình không gì có thể cứu vãn khỏi sự sụp đổ, Mỹ - Thiệu, trong vòng một tuần đã có những lời tuyên bố cùng với việc làm thể hiện sự sa sút tốt độ về mặt tinh thần, ý chí của kẻ cướp nước và bọn bán nước.

Ngày 18-4, tổng thống Mỹ ra lệnh di tản người Mỹ khỏi Sài Gòn và đến ngày 23-4 thì tuyên bố: "Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với Mỹ".

Ngày 21-4, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố "từ chức" Tổng thống của Chính phủ Việt Nam cộng hòa. Ngày 26-4, Trần Văn Hương vừa lên thay Nguyễn Văn Thiệu làm "Tổng thống" được mấy hôm đã phải tuyên bố nhường chức cho Dương Văn Minh.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đến giai đoạn chót càng thêm quyết liệt với tốc độ nhanh "một ngày bằng 20 năm".

17 giờ ngày 28-4, ngay sau khi Dương Văn Minh tuyên bố nhận chức Tổng thống và hô hào binh lính của chúng "bảo vệ lãnh thổ", "không buông vũ khí", quân ta tập kích sân bay Tân Sơn Nhất bằng 5 máy bay A37(chuyện Nguyễn Thành Trung) thu được của địch. Tiếp đó, pháo binh ta giới

bão lửa lên đầu chúng, làm tê liệt mọi hoạt động trên sân bay, khiến cho cuộc di tản người "liều mạng" của Mỹ phải chuyển sang bằng máy bay lên thẳng.

Đúng 0 giờ ngày 29-4-1975, các binh đoàn chủ lực Quân giải phóng tiến hành tổng công kích vào tuyến phòng thủ cuối cùng của địch.

Cánh quân lớn nhất phía Đông Bắc của Quân giải phóng đã tấn công tiêu diệt tập đoàn phòng ngự Biên Hoà, tiêu diệt và làm tan rã sở chỉ huy quân đoàn 3 nguy, sư đoàn bộ binh số 18, lực lượng lính thuỷ đánh bộ, lính nhảy dù, lính thiết giáp nguy ở Long Bình, vượt cầu xa lộ Biên Hoà, phát triển đánh thẳng về Sài Gòn.

Cánh quân lớn nhất phía Đông của Quân giải phóng lần lượt đập tan tuyến phòng ngự của các lực lượng lính thuỷ đánh bộ, lính nhảy dù, lính thiết giáp nguy ở Long Bình, vượt cầu xa lộ Biên Hoà đánh chiếm Thủ Đức, vượt cầu xa lộ Sài Gòn nhanh chóng đánh chiếm phủ tổng thống nguy quyền. Đúng 9 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, một đơn vị bộ binh và xe tăng quân giải phóng đã chiếm phủ tổng thống nguy. Một mũi khác của cánh quân này đã đánh chiếm chi khu quân sự, quận lỵ Nhơn Trạch và khu kho Thành Tuy Hạ. Ngày 29-4, một mũi của quân giải phóng đã phát triển về phía nam đánh chiếm cảng Vũng Tàu.

Cánh quân lớn phía Tây Bắc của Quân giải phóng đã tiến đánh quân địch trên trục đường số 1. Các đơn vị bộ binh và xe tăng Quân giải phóng đã lần lượt đánh chiếm tập đoàn phòng ngự của địch ở căn cứ Đồng Dù, Củ Chi, tiêu diệt và làm tan rã sư đoàn bộ binh nguy số 25. Đồng thời một mũi của cánh quân này đã nhanh chóng thọc sâu vào đánh chiếm Cầu Bông, Cầu Sáng, phát triển theo hướng Hóc Môn, đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất lúc 9 giờ ngày 30-4-1975.

9 giờ 30 phút ngày 29-4, cánh quân lớn phía bắc của Quân giải phóng đã đánh chiếm căn cứ địch ở Phú Lợi, bao vây tiến công địch ở Thủ Dầu Một, tiêu diệt và làm tan rã phần lớn sư đoàn nguy số 5. Tiếp đó Quân giải phóng tiếp tục tiến công Lai Khê, Bến Cát, buộc sư đoàn nguy số 5 còn lại phải đầu hàng. Đồng thời một đơn vị khác của cánh quân này sau khi tiêu diệt địch ở Tân Uyên, đã đánh thẳng về Lái Thiêu: Ngày 30-4, đơn vị này đã tiêu diệt và làm tan rã quân địch ở Lái Thiêu và thừa thắng đánh thẳng vào Sài Gòn, chiếm bộ tổng tham mưu nguy vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 30-4.

Cánh quân lớn phía Tây và Tây nam của Quân giải phóng đánh chiếm các khu vực Hậu Nghĩa, phát triển vào Đức Hoà và tiến đánh biệt khu thủ đô, khu trung tâm truyền tin Phú Lâm, căn cứ quân sự địch ở trường đua Phú Thọ các quận 6,7,8. Đồng thời các đơn vị khác của cánh quân này đã đánh chiếm Tân An, Bến Lức và Thủ Thừa, tiêu diệt và làm tan rã 2 trung đoàn của sư đoàn bộ binh số 22 nguy (vừa khôi phục lại), liên đoàn biệt động quân số 6, cắt đứt đường số 4 ở nhiều đoạn, chia cắt đồng bằng sông Cửu Long với Sài Gòn và cô lập Sài Gòn.

Các binh đoàn chủ lực của ta từ nhiều hướng đồng loạt tiến vào nội thành, phối hợp với lực lượng bên trong, đánh chiếm tất cả các mục tiêu của đối phương, như sân bay Tân Sơn Nhất, Phủ Tổng thống, Bộ Tổng tham mưu, Bộ Tư lệnh biệt khu thủ đô, Đài phát thanh, Tổng nha cảnh sát, căn cứ hải quân, cảng Bạch Đằng...

10 giờ 45 phút ngày 30-4, các đơn vị của Quân đoàn II, bằng xe tăng và pháo binh, tiến thẳng vào "Dinh Độc lập", bắt sống toàn bộ chính quyền trung ương Sài Gòn, buộc Tổng thống Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Mấy tiếng đồng hồ trước đó, lúc bầu trời Sài Gòn chưa sáng hẳn, một máy bay lên thẳng từ sân thượng tòa nhà Sứ quán Mỹ chở Đại sứ Matin rời khỏi Sài Gòn.

11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn, báo hiệu sự toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Ngoài lề:

Về chiếc xe tăng đầu tiên đến Dinh Độc Lập:

Vẫn phải trao cho xe 843 vinh dự ấy!

Sự kiện chiếc xe tăng đầu tiên đến Dinh Độc Lập ngày 30-4-1975 mấy năm trước đã được báo chí xới lại thông qua bức ảnh của một nữ phóng viên người Pháp chụp ngay tại thời điểm đó. Theo bức ảnh, chiếc xe tăng số hiệu 390 mới thực sự là xe đầu tiên tiến vào Dinh, chứ không phải là chiếc xe tăng số hiệu 843 như chúng ta vẫn tưởng suốt mấy chục năm qua. Tuy nhiên, một số tướng lĩnh chỉ huy trực tiếp cánh quân đánh chiếm Dinh Độc Lập lại khẳng định: Việc trao cho xe tăng 843 vinh dự ấy là hoàn toàn chính đáng.

Thiếu tướng Hoàng Đan:



Tại sao chúng tôi lấy 843 làm lá cờ đầu? 390 hay 843 thì đều là xe của chúng tôi, đều là thành tích của chúng tôi cả, tại sao chúng tôi phải "đôn" cái này lên, "hạ" cái kia xuống?! Và lại xe 843 chở Trung úy - Đại đội trưởng, thì xe 390 cũng chở Trung úy - Chính trị viên đại đội, cùng cấp bậc, chứ đâu phải ưu tiên chiến công cho cấp cao hơn. Có nhiều lý do để chọn xe 843. Thứ nhất, đây là xe tăng đi đầu trong đội hình tiến vào Dinh, do Đại đội trưởng trực tiếp chỉ huy. Nên biết rằng trong đội hình xe tăng chiến đấu, thì chiếc xe đi đầu bao giờ cũng chịu nhiều nguy hiểm nhất. Và đương nhiên trách nhiệm cũng nặng nề nhất. Tại trận đánh trên cầu Sài Gòn, chính chiếc xe tăng đi đầu chở Tiểu đoàn trưởng xe tăng của chúng tôi đã bị địch bắn cháy, Tiểu đoàn trưởng hy sinh. Thứ hai, đây chính là chiếc xe đầu tiên húc vào hàng rào và một trong những cánh cổng Dinh Độc Lập. Thứ ba, tuy xe 843 kẹt nòng không vào được

sân Dinh, nhưng đã tạo điều kiện cho xe đi sau - xe 390 lách lên, tiến vào Dinh. Mặt khác, xe 843 mắc kẹt nhưng người ngồi trên xe đó, Đại đội trưởng Bùi Quang Thận đã kịp nhảy xuống cầm cờ trên Dinh Độc Lập. Tôi cũng muốn nói thêm rằng, làm nên chiến thắng, tiến vào được cơ quan đầu não của địch, không phải là chiến công riêng của chiếc xe 843 hay 390 mà là của cả toàn quân, toàn dân, cho nên đừng nghĩ rằng xe nào vào được Dinh Độc Lập đầu tiên thì xe đó đã lập được nhiều công lớn nhất.

Tất cả những lý do đó khiến chúng tôi không hề băn khoăn khi quyết định trao cái vinh dự ấy cho chiếc xe 843.

Trung tướng Nguyễn An:



Tuy 843 đâm vào cổng giả của Dinh và mắc kẹt tại đó, nhưng rõ ràng nó là xe đầu tiên đến Dinh. Nếu gặp địch phản kháng, 843 sẽ là xe đầu tiên bị ngắm bắn, cũng là xe đầu tiên phải chế áp địch. Khi nó bị kẹt lại, xe 390 mới có cơ hội lách lên, tiến vào. Như vậy đưa xe 843 làm lá cờ đầu là hoàn toàn hợp lý.

Khoảnh khắc cuối cùng của chiến tranh



Tập bài luận do Bùi Trung Hiếu (trunghieukh@yahoo.com) tham khảo và tổng hợp

Lịch sử ngày 30/4/1975

1 giờ sáng

Cuộc di tản khẩn cấp của Mỹ về cơ bản đã hoàn thành chỉ còn Đại sứ Martin và lực lượng lính thủy đánh bộ Mỹ bảo vệ cuộc di tản đang chờ chuyển bay cuối cùng.

Tại Bộ Tổng Tham mưu chính quyền Sài Gòn, Tướng Nguyễn Hữu Cồ nhận được tin "Việt Cộng tiến từ ba hướng đang đánh vào Sài Gòn". Tổng thống Dương Văn Minh vội vã gọi Thủ tướng Vũ Văn Mẫu, Tướng Nguyễn Hữu Cồ, Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh đến Phủ Thủ tướng họp bàn đối phó.

2 giờ 30 phút

Ngoại trưởng Kissinger thông báo cho Martin yêu cầu kết thúc cuộc di tản vào 3 giờ 45 phút. Martin xin kéo dài thêm 45 phút nữa.

4 giờ 30 phút

Chiếc máy bay lên thẳng mang mật danh "Lady 09" chở Đại sứ Mỹ Martin bay ra biển Đông, trốn khỏi Việt Nam.

5 giờ

Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh ra lệnh cho các binh đoàn của ta mở cuộc tổng công kích theo 5 mũi vào Sài Gòn.

6 giờ 30 phút

Sư đoàn 10, Quân đoàn 3 quân Giải phóng tấn công sân bay Tân Sơn Nhất.

8 giờ 20 phút

Chiếc máy bay cuối cùng chở lính thủy đánh bộ Mỹ rời Tòa Đại Sứ Mỹ bay ra biển Đông.

9 giờ 20 phút

4 sư đoàn số 5, 18, 22, 25 và các lữ đoàn thủy quân lục chiến quân đội Sài Gòn bị tiêu diệt. Tổng thống Dương Văn Minh buộc phải tuyên bố ngừng bắn qua Đài Phát thanh.

10 giờ

Bộ Chính trị chỉ thị cho mặt trận: "Tiếp tục tấn công vào Sài Gòn theo kế hoạch với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của địch".

10 giờ 20 phút

Một bức điện hỏa tốc của UPI gửi về đài "eczc vhao25 - nxi - Hòa tốc - Sài Gòn - Chính quyền Sài Gòn đầu hàng - ntl1021 sáng"

10 giờ 45 phút

Chiếc xe tăng đầu tiên của quân đoàn 2, Sư đoàn 304, Lữ 203 húc đổ cổng Dinh Độc Lập. Một trong những chiến sĩ cuối cùng hy sinh trước khoảnh khắc kết thúc chiến tranh là chiến sĩ Tô Ngọc Thành thuộc Sư đoàn 304, anh ngã trước cổng dinh 50m.

11 giờ 30 phút

Đại đội trưởng xe tăng thuộc Lữ 203, **Bùi Quang Thận** kéo lá cờ Giải phóng trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Trung đoàn phó Trung đoàn 66, Sư đoàn 304 Phạm Xuân Thệ và Chính ủy Lữ đoàn 203 đã bắt gọn toàn bộ nội các chính quyền Sài Gòn gồm 42 người.

13 giờ 20 phút

Tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện qua đài phát thanh.

14 giờ 30 phút

Đài Phát thanh "Sài Gòn giải phóng" đã phát đi bản tin đầu tiên những thông báo của Ủy ban Quân quản, tại trung tâm thành phố.

Tập bài luận do Bùi Trung Hiếu (trunghieukh@yahoo.com) tham khảo và tổng hợp

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn với cây đàn guitar thùng đã lên sóng phát thanh hát bài *Nỗi lòng tay lớn*.

16 giờ

Tại Mỹ - Ngoại trưởng Kissinger họp báo: "Tôi cứ tưởng họ (chính quyền Sài Gòn) thương lượng về sự đầu hàng chứ không nghĩ họ đầu hàng nhanh như thế" và đọc bản tuyên bố thừa nhận Mỹ thất bại hoàn toàn ở Việt Nam.

Và nhân chứng lịch sử

29 năm sau, vẫn nguyên vẹn cảm xúc của khoảnh khắc cuối cùng cuộc chiến tranh... Họ kể lại như một kỷ niệm tuyệt vời với cả niềm vui và nỗi buồn, của cả người chiến thắng và người bại trận.

Đại tá **Bùi Quang Thận** (người cầm cờ trên Dinh Độc Lập báo hiệu chiến thắng 11 giờ trưa 30/4/1975): "Tôi ngồi trên chiếc xe tăng 843 gồm các chiến sĩ Thái Bá Minh, Nguyễn Văn Kỳ, Lữ Văn Thái, lúc đó tôi là Trung úy Đại đội trưởng thuộc Lữ tăng 203, Quân đoàn 2. Trước đó 1 chiếc tăng của đơn vị húc đổ cánh cổng Dinh và mắc kẹt ở đó, tôi cho xe mình vượt lên lao thẳng vào sân. Tôi nhảy khỏi xe, ôm theo lá cờ chạy thẳng lên tầng thượng, giật lá cờ ba sọc xuống và lá cờ quân giải phóng nửa xanh nửa đỏ với ngôi sao vàng nằm cánh. Lúc đó là 11 giờ 30 phút. Nhìn lá cờ Cách mạng còn nhuốm bụi đường và thuốc súng bay trong nắng gió, báo hiệu chiến dịch toàn thắng, tôi trào nước mắt. Hạnh phúc người lính quá lớn lao. Tôi đã được thay mặt tất cả những đồng chí đồng đội đã hy sinh, và những đồng đội đang chiến đấu cùng tôi, được kéo cờ chiến thắng, chứng kiến giây phút lịch sử - Kết thúc cuộc chiến tranh. Hạnh phúc thật lớn không gì có thể so sánh được."

Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Quân khu 1 Phạm Xuân Thệ (người đã vào bắt gọn nội các chính quyền Sài Gòn, áp tải Tổng thống Dương Văn Minh ra Đài Phát thanh đọc lời tuyên bố đầu hàng vô điều kiện): "Tôi ngày ấy là Trung đoàn phó D66, F304 khi xe tăng ta húc đổ cánh cổng Dinh Độc Lập, xe tôi do chiến sĩ Đào Ngọc Vân lái nhanh chóng lách lên lao thẳng đến chân cầu thang. Một người đàn ông cao to, quần áo dạt tề chỉnh, trịnh trọng - "Báo cáo chỉ huy, tôi Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh, phụ tá Tổng thống Dương Văn Minh. Toàn bộ nội các trong phòng khánh tiết. Mời cấp chỉ huy vào làm việc". Chúng tôi vào... Tất cả 42 người. Tổng thống Dương Văn Minh: "Biết quân giải phóng đã vào thành phố, nội các chúng tôi đang chờ các ông để bàn giao". Tôi hơi căng thẳng: "Các ông phải đầu hàng không điều kiện. Yêu cầu tất cả xếp hàng đôi ra khỏi nhà này". Tổng thống Dương Văn Minh khẩn khoản: "Chúng tôi xin được ở đây. Ra ngoài bây giờ không an toàn". Tôi tiếp tục: "Các ông phải ra ngay đài phát thanh tuyên bố đầu hàng không điều kiện".

Ông Nguyễn Hữu Hạnh (Chuẩn tướng, phụ tá Tổng Tham mưu trưởng, phụ tá Tổng thống Dương Văn Minh). Đây là một nhân vật khá đặc biệt, gây bất ngờ cho cả chính quyền Sài Gòn và tình báo Mỹ. Ông là "nội ứng" của ta trong bộ máy cao cấp chính quyền Sài Gòn. Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, ông đã cố gắng hết sức mình để làm sao cho mọi việc được êm đẹp. Ông kể: "Tôi đứng chờ chỉ huy quân giải phóng khi nghe tiếng xe tăng gầm rú ngoài Dinh. Tôi trấn an các vị trong nội các chính quyền Sài Gòn, kêu họ bình tĩnh... Tôi hồi hộp lo lắng, chỉ có tôi biết tôi là ai... Nhưng rồi mọi chuyện xảy ra trong yên bình. Và tôi giữ được chữ "tín" với quân cách mạng... Để đến hôm nay, 29 năm trôi qua, tôi sống vui vẻ trong tình cảm của bạn bè, người thân... và thấy không hổ thẹn, ân hận điều gì".

Ông Nguyễn Hữu Có (nguyên Trung tướng Tổng Tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn, Phó Thủ tướng thời Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, Cố vấn cho Tổng thống Dương Văn Minh): "Ngay từ đêm 29/4/1975 tôi đã biết chắc Sài Gòn thất thủ. Tôi đã đưa gia đình "di tản" về phía Chợ Lớn. Nhà tôi nằm ngay trên đường tiến quân của quân giải phóng, tôi sợ bất trắc cho gia đình. Sáng ngày 30/4/1975, khi tất cả mọi việc gần như không còn cách gì cứu vãn, tôi buồn. Nỗi buồn của người thất bại, của sự bất lực. Tôi hiểu cái gì sẽ đến vì tôi là tướng cầm quân nên biết thế nào là trận mạc, thắng bại. Lúc lá cờ quân giải phóng bay trên Dinh Độc Lập, tôi đang trên đường vào Chợ Lớn, nơi gia đình tôi tạm trú ẩn. Dọc đường thấy áo lính, súng ống vút lộn xộn, ngổn ngang, nỗi buồn cứ ngập lên cộng với lo lắng không biết còn điều gì xảy ra.. Ơn Chúa! Tất cả đều bình yên. Vào lúc thành phố kỷ niệm 29 năm giải phóng, tôi rất hạnh phúc để nói rằng, tôi được là công dân của thành phố Hồ Chí Minh, tôi sống trong tình thân ái của bạn bè, của bà con lối xóm, thật vui khi họ gọi tôi là "bác Ba"."

30/4/1975, khoảnh khắc cuối cùng của chiến tranh - một ngày vui không thể phai nhòa trong ký ức mọi người.

Cùng với đại quân của ta tiến vào giải phóng Sài Gòn, lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh còn lại ở Nam Bộ, theo đúng kế hoạch của Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền, với phương châm "xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh" đã nhất tề đứng lên tiến công và nổi dậy chiếm các căn cứ, quận lỵ, tỉnh lỵ, bức đối phương phải nộp vũ khí đầu hàng. Đến ngày 2-5-1975, lực lượng vũ trang và bộ máy chính quyền của Dương Văn Minh ở Nam Bộ và trên khắp miền Nam nước ta đã tan rã hoàn toàn.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, lực lượng vũ trang tại chỗ và lực lượng nổi dậy của quần chúng đóng vai trò quan trọng. Ở Sài Gòn và các thành phố, thị xã, thị trấn..., công nhân đã chủ động đấu tranh giữ gìn máy móc, bảo vệ xí nghiệp, cơ quan, không cho địch phá hoại. Thanh niên, học sinh, sinh viên vận động đồng bào xuống đường, giữ gìn trật tự, trị an đường phố, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch, phối hợp với bộ đội truy lùng bọn ác ôn. Ở các vùng nông thôn, rừng núi, đồng bằng sông Cửu Long, hình thái nổi dậy của nhân dân hết sức phong phú. Nhân lúc lực lượng quân đội và chính quyền Dương Văn Minh ở Trung ương đầu hàng không điều kiện, đồng bào ở miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long chủ động đứng lên phối hợp cùng lực lượng vũ trang đánh đổ lực lượng quân sự và chính trị ở địa phương, giành quyền làm chủ. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, sự nổi dậy của quần chúng nhân dân, sự phối hợp chiến đấu của các lực lượng vũ trang địa phương đã tạo ra sức mạnh tại chỗ hết sức to lớn (nhất là ở các vùng nông thôn, rừng núi và một số đô thị nhỏ). Ở đó, quần chúng không chỉ có khả năng phá tan bộ máy kìm kẹp của địch ở cơ sở, giành chính quyền ở ấp, xã khóm, phường, mà còn góp phần làm tan rã lực lượng chiến đấu của chúng; bao vây, bức rút hàng loạt đồn bốt nhỏ của địch ở ấp, xã, thị trấn. Như vậy, cũng như phong trào "Đồng khởi" (1959-1960), cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy lần này, tính chủ động, mưu trí, sáng tạo của quần chúng được phát huy cao độ. Có nơi, có lúc, cuộc nổi dậy của quần chúng đã đi trước một bước trong việc chiếm giữ nhiều cơ sở của quân ngụy, như ở thành phố Cần Thơ, thị xã Bến Tre, thị xã Rạch Giá... Ở Trà Vinh cũng như nhiều nơi khác ở Nam Bộ, quần chúng đã vận dụng "ba mũi giáp công" để chiếm bốt, đoạt đồn. Chỉ trong 1 giờ, hàng vạn quần chúng ở hai quận Châu Thành, Cần Long (Trà Vinh) đã bao vây, gọi hàng trên chục đồn bốt...

Ở đảo Côn Sơn, anh em tù chính trị cũng đã nổi dậy giải phóng đảo dưới sự lãnh đạo của tổ chức Đảng ở đây, lập chính quyền cách mạng vào ngày 1-5-1975.

Tài liệu tham khảo:

- ✚ Báo Nhân Dân điện tử : <http://www.nhandan.org.vn>
- ✚ Đài tiếng nói Việt Nam: www.vov.org.vn
- ✚ Báo Đà Nẵng: <http://www.danangpt.vnn.vn>
- ✚ Trung tâm: <http://www.netcenter-vn.net>
- ✚ Báo tuổi trẻ: <http://www.tuoiitre.com.vn>
- ✚ Báo lao động: <http://www.laodong.com.vn>
- ✚ Trang lịch sử Việt Nam: <http://www.vnhistory.com/>
- ✚ Báo bưu điện Việt Nam: <http://www.vnpost.mpt.gov.vn>
- ✚ Trang: <http://www.dinhdoclap.gov.vn>
- ✚ Đài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh: <http://www.htv.org.vn>
- ✚ Báo Việt Nam Net: <http://www.vnn.vn>
- ✚ Báo quân đội nhân dân: <http://www.quandoinhandan.org.vn/>
- ✚ <http://www.vista.gov.vn>
- ✚ Báo Sài Gòn giải phóng.
- ✚ Vào Sài Gòn-Tập kí về chiến dịch Hồ Chí Minh.
- ✚ Đặc biệt là cuốn: “Đại thắng mùa xuân” của đại tướng Văn Tiến Dũng.